

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HSST

Ngày: 29 - 8 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Đức;
2. Bà Đinh Thị Hồng Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: Ông Mai Anh Chiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 36/2017/HSST, ngày 31/7/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/HSST – QĐ ngày 17/8/2017 đối với bị cáo:

Bùi Văn N, sinh ngày 03/9/1990 tại xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 15, Xã H, huyện G, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; con ông Bùi Văn N và bà Nguyễn Thị L, đều sinh năm 1961; có vợ là Phạm Thị Hương G, sinh năm 1994 (đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan) và có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/12/2013 bị Công an huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “ Sử dụng trái phép chất ma túy”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2017 hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định; có mặt.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Viết M, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm 14, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn H, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 8, H, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 ngày 23/4/2017 Bùi Văn N đi bộ từ nhà đến nhà người quen ở khu vực xóm 14, xã X, huyện X. Khi đi qua nhà anh Nguyễn Viết M, N phát hiện trong sân nhà anh M có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ, đen BKS 18X1 – 6463, chìa khóa xe cắm ở ổ điện, cổng khép không khóa, quan sát xung quanh không có người nên N nảy sinh ý định trộm cắp. N vào trong sân nhìn thấy gia đình anh M đang ngủ trưa. N lên lút dắt xe ra ngoài, nổ máy và đi xe đến hiệu cầm đồ của anh Lê Văn H nói là xe của gia đình muốn cầm 2.000.000 đồng và hẹn 02 ngày sau đến lấy. Anh H đồng ý và đưa N 2.000.000 đồng, số tiền này N đã chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu hồi được chiếc xe mô tô do N cầm cố và trả lại cho anh M, anh M không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh H yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL - HĐĐG ngày 05/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Xuân Trường kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ, đen BKS 18 X1 - 6463 có trị giá 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 28/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố Bùi Văn N về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Tuyên bố Bùi Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù; áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo hoàn trả cho anh H số tiền 2.000.000 đồng.

Bị cáo khai nhận hành vi như đã nêu trên, không tranh luận gì với quan điểm của Kiểm sát viên. Trong lời nói sau cùng, bị cáo có thái độ ăn năn hối lỗi và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại có quan điểm xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận về hành vi thực hiện như bản cáo trạng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng Kết luận định giá tài sản. Từ đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 23/4/2017 tại xóm 14, xã X, huyện X, Bùi Văn N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ, đen BKS 18 X1 - 6463 trị giá 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*) của anh Nguyễn Viết M. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu

thành tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của VKSND huyện Xuân Trường truy tố bị cáo là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi Trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người có thể chất, tinh thần bình thường, song bị cáo không chịu tu dưỡng, lao động chân chính, khi cần tiền chi tiêu cá nhân đã có ý chiếm đoạt tài sản của người khác. Trong thời gian gần đây tội phạm trộm cắp xe máy trên địa bàn huyện Xuân Trường có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, đã tạo ra tâm lý bất an, hoang mang cho nhân dân tại địa phương. Các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Xuân Trường xác định đây là vụ án hình sự trọng điểm trong công tác đấu tranh và phòng chống đối với loại tội phạm này.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, hối lỗi về việc làm của mình; tại phiên tòa được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, kinh tế gia đình khó khăn, có con nhỏ phải nuôi dưỡng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại anh Nguyễn Viết M đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Đối với anh Lê Văn H đã có hành vi cầm cố tài sản do bị cáo trộm cắp nhưng anh H không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra nhắc nhở rút kinh nghiệm là phù hợp. Nay anh H yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã nhận, căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự cần buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng cho anh H.

[7] Về án phí: Bị cáo Bùi Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự; các Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn N phạm tội “ Trộm cắp tài sản”;

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn N 15 (mười lăm) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 15 tháng 5 năm 2017).

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Bùi Văn N phải hoàn trả cho anh Lê Văn H 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự; các Điều 23 và 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Bùi Văn N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người bị hại và có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Công an huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã H;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Phạm Trung Kiên